

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2025/QĐST-LĐ

TP. Thái Bình, ngày 17 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-LĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2025/QĐ-MPH ngày 07 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh T;

Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2.2. Chị Trần Thị R, sinh năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình;

2.3. Công ty TNHH P

Địa chỉ: Lô T, đường T, khu công nghiệp P, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

(Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Trần Thị L trình bày: Năm 2005, chị ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P, công việc chính là công nhân vận máy may công nghiệp, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật chị đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị gái chị là Trần Thị R để ký hợp đồng lao động với Công ty M1 trên thực tế chị là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên chị gái chị là Trần Thị R và số bảo hiểm xã hội của chị đóng thời gian này mang tên chị gái chị Trần Thị R số sổ bảo hiểm là 2606001942. Đến năm 2009 sau khi làm lại chứng minh thư chị xin Công ty ký sổ sổ bảo hiểm là 3412023636 và tiếp tục làm việc tại Công ty cho đến nay, đến nay chị gái chị thanh toán làm thủ tục bảo hiểm xã hội số sổ 3422396070 thì được cơ quan bảo hiểm trả lời chị gái chị còn một sổ bảo hiểm xã hội số 2606001942 thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6/2005 đến tháng 10/2009, thời gian đóng sổ bảo hiểm xã hội 2606001942 trùng với thời gian đóng sổ bảo hiểm xã hội 2606005230. Do đó, bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị gái chị được. Chị đã nhận số tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần là 7.202.595 đồng theo quyết định số 532 ngày 22/11/2010 của bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, chị làm đơn này yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 3/2005 đến tháng 9/2009 vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày: Việc bà Trần Thị R cho bà Trần Thị Lam M hồ sơ để giao kết hợp đồng lao động và đóng BHXH, BHYT, BHTN, nay bà Trần Thị L đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Trần Thị L (nhưng lấy tên là Trần Thị R) với Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 6/2005 đến tháng 10/2009 theo sổ BHXH số sổ 2606001942 vô hiệu, BHXH tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị R trình bày: Năm 2005, em gái chị ký hợp đồng với Công ty TNHH P công việc chính là công nhân may công nghiệp. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật em gái chị chưa làm chứng minh thư nhân dân nên khi ký hợp đồng lao động với Công ty em chị đã mượn giấy tờ chứng minh nhân dân của chị là Trần Thị R để ký hợp đồng lao động với Công ty. Vì vậy, mặc dù thực tế em chị là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên chị là Trần Thị R và số sổ bảo hiểm xã hội của em gái chị đóng thời gian này mang tên chị là Trần Thị R số

sổ bảo hiểm là 2606001942. Sau đó 2009, sau khi làm lại chứng minh thư thì em gái chị xin Công ty ký lại hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội số sổ 3412023636 và tiếp tục làm việc cho Công ty cho đến nay. Đến nay chị thanh toán làm thủ tục bảo hiểm xã hội của chị số sổ 3422396070 thì được cơ quan bảo hiểm trả lời chị còn một sổ bảo hiểm số 260600192 ,thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 3/2005 đến tháng 9/2009, thời gian đóng tại số sổ bảo hiểm xã hội 2606005230. Do đó, bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị được. Vì vậy, chị làm đơn này yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa em gái chị và Công ty TNHH P. Trong thời gian từ ngày 3/2005 đến tháng 9/2009 vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH P trình bày: Trong thời gian từ tháng 6/2005 đến tháng 9/2009, Công ty TNHH P ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Trần Thị R, CMND số 151668359. Sau khi rà soát, Công ty phát hiện một số trường hợp người lao động mượn giấy tờ tùy thân để ký kết hợp đồng lao động, trong đó có chị Trần Thị Lam M giấy tờ tùy thân của chị Trần Thị R, Công ty đã tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động đã ký giữa chị Trần Thị L (bằng tên chị Trần Thị R) và ký lại hợp đồng lao động khác với chị Trần Thị L . Công ty cung cấp tại Tòa án Hợp đồng lao động ký kết ngày 01/6/2005 giữa Công ty và chị Trần Thị L (bằng tên chị Trần Thị R, CMND số 151668359). Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2005 đến tháng 9/2009, Công ty đã đóng cho người lao động Trần Thị L (sổ bảo hiểm xã hội mang tên Trần Thị R, số sổ 2606001942) số tiền bảo hiểm xã hội là 5.385.860 đồng, người lao động đóng 1.929.880 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Trần Thị L (bằng tên của chị Trần Thị R) và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 3/2005 đến tháng 9/2009 vô hiệu, giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P, có địa chỉ tại Khu công nghiệp N, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 401 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[2]. Áp dụng pháp luật: Do hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH P và chị Trần Thị R (do chị Trần Thị Lam K) vào năm 2005 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết. Tuy nhiên Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, do đó cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét thấy việc chị Trần Thị Lam M giấý tờ của chị Trần Thị R để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Trần Thị L là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L, tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH P và chị Trần Thị R (do chị Trần Thị L ký) trong thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 9 năm 2009 vô hiệu toàn bộ.

[3.2]. Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị L (hồ sơ mượn tên chị Trần Thị R) với Công ty TNHH P nhưng trên thực tế chị L có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm cho chị L (mang tên chị Trần Thị R, số sổ bảo hiểm xã hội 2606001942). Khi chị L nghỉ việc đã được cơ quan bảo hiểm xã hội trả trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đối với thời gian làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty, số tiền trợ cấp là 7.202.595 đồng. Về phía cơ quan bảo hiểm xã hội cũng không có yêu cầu cụ thể về việc

chị Trần Thị L phải thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, cần giao cho các cơ quan chức năng có liên quan đến hợp đồng lao động đã ký giữa chị Trần Thị R (do chị Trần Thị L ký) với Công ty TNHH P điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Do vậy cần điều chỉnh tên Trần Thị R trên sổ bảo hiểm xã hội số 2606001942 thành Trần Thị L. Chị Trần Thị L và chị Trần Thị R có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Trần Thị R thành Trần Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 401, Điều 402, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L.

1. Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH P và chị Trần Thị R (do chị Trần Thị L ký) trong thời gian từ tháng 3/2005 đến tháng 9/2009 là vô hiệu toàn bộ.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội 2606001942, từ Trần Thị R, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1984, số Chứng minh nhân dân 151668359 do Công an tỉnh T cấp ngày 28/8/2003 thành Trần Thị L, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1988, Căn cước công dân số 034188019743 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/8/2021. Chị Trần Thị R và chị Trần Thị L có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Trần Thị R thành Trần Thị L.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000797 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Trần Thị L, chị Trần Thị R, Công ty TNHH P, Bảo hiểm xã hội tỉnh T có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực

tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thanh